



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Chính sách kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001070427	Phạm Hà Thảo	Anh	16/12/2004	KL10A	01	20	8,6	02	Anh	lẻ
2	000002	1001070428	Trần Thùy	Anh	05/11/2004	KL10A	01	19	8,7	01	Anh	chẵn
3	000003	1001070430	Nguyễn Thị Như	Bình	05/09/2004	KL10A	01	18	8,2	01	Bình	lẻ
4	000004	1001070432	Kiều Minh	Diễm	17/11/2004	KL10A	01	17	8,3	01	Minh	chẵn
5	000005	1001070435	Đoàn Bắc Đăng	Duy	26/12/2004	KL10A	01	16	7,6	01	Duy	lẻ
6	000006	1001071146	Nguyễn Khánh	Hoàng	08/07/2004	KL10A	01	15	7,1	01	Hoàng	chẵn
7	000007	1001070425	Nguyễn Thị Vân	Anh	07/04/2004	QL10A	01	14	8,2	02	Anh	lẻ
8	000008	1001071401	Lê Hương	Cúc	20/11/2004	QL10A	01	13	8,7	01	Cúc	chẵn
9	000009	1001070433	Nguyễn Đức	Đô	24/11/2004	QL10A	01	12	7,4	01	Đô	lẻ
10	000010	1001070436	Nguyễn Thị	Giang	19/02/2004	QL10A	01	10	8,7	01	Giang	chẵn
11	000011	1001070439	Nguyễn Công	Hiếu	23/08/2004	QL10A	01	10	8,2	02	Hiếu	lẻ
12	000012	1001070441	Nguyễn Quốc	Huy	22/08/1997	QL10A	01	9	6,7	01	Huy	chẵn
13	000013	1001071155	Nguyễn Hải	Long	22/06/2004	QL10A	01	8	8,2	01	Long	lẻ
14	000014	1001071157	Bùi Thị Như	Ngọc	03/12/2004	QL10A	01	7	8,5	01	Ngọc	chẵn
15	000015	1001071161	Hoàng Thị	Nhi	01/01/2004	QL10A	01	6	8,2	01	Nhi	lẻ
16	000016	1001071164	Đỗ Anh	Phương	14/10/2004	QL10A	01	5	8,2	01	Phương	chẵn
17	000017	1001071166	Đỗ Thị	Thủy	10/05/2003	QL10A	01	4	6,5	01	Thủy	lẻ
18	000018	1001071169	Phạm Thị Thùy	Trang	28/09/2004	QL10A	01	3	8,7	01	Trang	chẵn
19	000019	1001071171	Vũ Văn	Trường	18/12/2004	QL10A	01	2	3,8	01	Trường	lẻ
20	000020	1001071172	Nguyễn Duy	Tuấn	12/05/2004	QL10A	01	1	6,2	01	Tuấn	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: ...202...

Tổng số tờ giấy thi: ...23...

Tổng số biên bản: ...0...

Cán bộ coi thi 1

Ngày ...16 tháng ...6 Năm ...2025

Cán bộ coi thi 2

Chữ
Nguyễn Thanh Chy
Thị Tuyết Mai